

Kinh tế và Dự báo



Economy &
Forecast
Review

10/2021
Số 30

CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

ISSN 0866-7120



**Tác động của phân cấp tài khóa
đến giảm nghèo ở Việt Nam**

Kinh tế và Dự báo

ECONOMY AND FORECAST REVIEW

MỤC LỤC

CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Tổng Biên tập

ThS. NGUYỄN LỆ THỦY

Phó Tổng Biên tập

ThS. ĐỖ THỊ PHƯƠNG LAN

Hội đồng Biên tập

TS. CAO VIẾT SINH

PGS, TS. LÊ QUỐC LÝ

PGS, TS. BÙI TẮT THẮNG

TS. NGUYỄN ĐÌNH CUNG

PGS, TS. NGUYỄN HỒNG SƠN

GS, TS. TRẦN THỌ ĐẠT

PGS, TS. TRẦN ĐÌNH THIÊN

PGS, TS. NGUYỄN TIẾN DŨNG

TS. VƯƠNG QUÂN HOÀNG

Tòa soạn và trị sự

65 Văn Miếu - Đống Đa - Hà Nội

Tel: 080.43174 / 080.44474

Fax: 024.3747.3357

Email: kinhtedubao@mpi.gov.vn

Tạp chí điện tử

<http://kinhtevadubao.vn>

Quảng cáo và phát hành

Tel: 080.48310 / 0983 720 868

Qua mạng lưới Bưu điện Việt Nam

Giấy phép xuất bản: 115/GP-BTTTT

In tại: Công ty CP in Công đoàn Việt Nam

Giá 25.000 đồng

Phạm Thu Hằng, Ngô Thị Hải An: Tác động của phân cấp tài khóa đến giảm nghèo ở Việt Nam ...3	3
Hoàng Thanh Huyền, Trần Thị Thanh Hương: Một vài đánh giá về nghèo đa chiều ở Việt Nam giai đoạn 2016-2020.....	7
Bùi Xuân Nam, Nguyễn Văn Điệp, Võ Tuấn Thành: Trí tuệ thông minh của con người và quy mô nền kinh tế ngầm ở các nước ASEAN.....	13
Nguyễn Thị Vân Trang: Nghiên cứu mạng nơ ron tích chập trong xếp hạng tín dụng nhằm dự báo rủi ro tín dụng tại ngân hàng thương mại.....	17
Bùi Văn Trịnh, Tăng Hiến Đạt: Các yếu tố tác động đến hiệu quả tín dụng ngắn hạn tại Agribank Chi nhánh quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ.....	21
Đỗ Hoài Linh, Trần Đức Anh, Khúc Thế Anh, Lại Thị Thanh Loan: Chính sách tín dụng xanh trong hệ thống ngân hàng Việt Nam: Nghiên cứu trường hợp BIDV.....	25
Nguyễn Phương Thảo: Các yếu tố ảnh hưởng đến Digital marketing tại ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam.....	29
Nguyễn Ngọc Thủy, Nguyễn Đình Chiến: Mức độ công bố thông tin trên báo cáo thường niên của các ngân hàng thương mại Việt Nam.....	33
Phạm Mỹ Quyên, Nguyễn Quang Huy: Nghiên cứu đề xuất giải pháp tăng cường áp dụng báo cáo tích hợp tại các doanh nghiệp niêm yết Việt Nam.....	37
Phạm Đình Tuấn: Tác động của các nhân tố logistics đến quyết định mua hàng trực tuyến.....	41
Võ Văn Hậu, Hồ Mỹ Dung, Cù Văn Thanh: Mối quan hệ giữa chất lượng dịch vụ hành chính công với sự hài lòng và tín nhiệm của người dân - Nghiên cứu trường hợp tỉnh Trà Vinh.....	45
Nguyễn Văn Hợp, Bùi Thị Mai Lan, Trần Thị Tuyết: Hoàn thiện công tác quản lý nhà nước về du lịch trên địa bàn huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình.....	49
Phan Ngọc Thanh Thắm, Huỳnh Tấn Khương: Nghiên cứu ảnh hưởng của quảng cáo trên mạng xã hội đến ý định mua sắm của người tiêu dùng TP. Trà Vinh.....	53
Nguyễn Xuân Minh, Nguyễn Thị Hằng: Các nhân tố tác động đến quyết định lựa chọn TP. Hồ Chí Minh là điểm đến của khách du lịch Nhật Bản.....	57
Nguyễn Thị Huyền: Nghiên cứu mối quan hệ giữa gắn kết khách hàng và danh tiếng công ty trên kênh truyền thông mạng xã hội.....	61
Nguyễn Thanh Phương, Phạm Văn Trường, Lưu Minh Tuấn: Phát triển du lịch cộng đồng trên địa bàn huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông.....	65
Đỗ Thị Thu Thảo: Các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển khu vực doanh nghiệp tư nhân: Thực tiễn tỉnh Bến Tre.....	69
Trần Văn Hào: Các nhân tố tác động đến mức độ hợp tác trong chuỗi cung ứng ngành nông nghiệp ở khu vực Bắc Trung Bộ.....	73
Châu Hoài Bảo, Trần Mai Thương: Các yếu tố ảnh hưởng đến việc giữ chân và duy trì nhân viên thuộc thế hệ Z dưới tác động của đại dịch Covid-19 trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh.....	77
Lê Đình Nghi, Nguyễn Thanh Trọng: Các nhân tố ảnh hưởng đến Ý định khởi nghiệp của sinh viên Trường Cao đẳng Kỹ nghệ II.....	81
Nguyễn Văn Song, Phạm Thị Thu Phương, Nguyễn Thị Thu Hương, Nguyễn Đức Bản: Giải pháp phát triển kinh tế nông hộ trên địa bàn huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình.....	85
Vũ Thanh Long, Phan Thị Trà Mỹ: Mức độ tác động của các nhân tố đến công tác tổ chức kế toán tại các doanh nghiệp nhỏ và vừa ngành thương mại ở TP. Hồ Chí Minh.....	89
Nguyễn Thị Thu Hằng, Nguyễn Thị Kim Thiện: Ảnh hưởng của giá trị thương hiệu đến quyết định mua mỹ phẩm thương hiệu Thorakao của người tiêu dùng tại TP. Hồ Chí Minh.....	93
Nguyễn Thị Thu Hà: Ảnh hưởng của quản trị tri thức đến đổi mới sáng tạo của các trường đại học công lập trên địa bàn TP. Hà Nội dựa theo cách tiếp cận hệ thống kỹ thuật - xã hội.....	97
Trần Tuấn Anh: Xu hướng kỹ thuật số hóa toàn cầu tác động đến thị trường lao động quốc tế.....	101
Nguyễn Quốc Đại, Hoàng Thị Hào: Các nhân tố ảnh hưởng đến công tác quản lý vốn đầu tư xây dựng cơ bản từ ngân sách nhà nước trên địa bàn huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.....	105
Hồ Thị Kim Huyền, Huỳnh Tấn Khương: Các yếu tố tác động đến động lực học tập của sinh viên Trường Đại học Trà Vinh trong giai đoạn dịch bệnh Covid-19.....	109
Phạm Thị Huyền, Phạm Văn Tuấn, Nguyễn Thị Hà: Các yếu tố ảnh hưởng tới thái độ và ý định mua phụ kiện thời trang tái chế của sinh viên tại Hà Nội.....	113
Nguyễn Kim Quốc Trung: Ảnh hưởng của các nhân tố thuộc chất lượng dịch vụ cho vay đến sự hài lòng của khách hàng DNNVV tại các ngân hàng thương mại nhà nước ở TP. Hồ Chí Minh.....	117
Nguyễn Văn Hà, Đào Khánh Vân: Nâng cao chất lượng dịch vụ ngân hàng tại Ngân hàng Chính sách xã hội.....	121
Lê Thị Thu Diễm: Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định tiếp tục tư cách pháp nhân sau chuyển đổi của các doanh nghiệp nhỏ và vừa tại tỉnh Trà Vinh.....	125
Điệp Thanh Tùng, Dương Minh Nhật: Các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của người bệnh đối với chất lượng dịch vụ khám, chữa bệnh bằng thể BHYT tại Trung tâm Y tế huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.....	129
Nguyễn Phương Lê, Nguyễn Thị Hải Ninh, Lê Anh Tuấn: Tiếp cận tín dụng chính thức của trang trại trên địa bàn huyện Quốc Oai, TP. Hà Nội.....	133
Nguyễn Thị Thúy: Các yếu tố ảnh hưởng đến sự tin tưởng của nông dân trồng khoai tây đối với đại lý thu mua tại Lâm Đồng.....	137
Nguyễn Văn Tôn: Quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trong chăn nuôi lợn thịt tại Việt Nam.....	141
Bùi Thị Như Huỳnh, Nguyễn Hồ Diễm Phúc, Phạm Đỗ Ngọc Mỹ, Nguyễn Đặng Yến Nhi, Lê Tất Nhiên, Phan Anh Tú: Tác động của đại dịch Covid-19 đến kết quả hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp tại Hy Lạp.....	145
Vũ Thanh Nguyên: Các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động truyền thông bảo vệ môi trường.....	149

Kinh tế và Dự báo

ECONOMY AND FORECAST REVIEW

IN THIS ISSUE

PRESS OFFICE OF
MINISTRY OF PLANNING AND INVESTMENT

Editor-in-Chief

MSc. NGUYEN LE THUY

Deputy Editor-in-Chief

MA. DO THI PHUONG LAN

Editorial Board

Dr. CAO VIET SINH

Assoc. Prof. Dr. LE QUOC LY

Assoc. Prof. Dr. BUI TAT THANG

Dr. NGUYEN DINH CUNG

Assoc. Prof. Dr. NGUYEN HONG SON

Prof. Dr. TRAN THO DAT

Assoc. Prof. Dr. TRAN DINH THIEN

Assoc. Prof. Dr. NGUYEN DINH THO

Assoc. Prof. Dr. NGUYEN TIEN DUNG

Dr. VUONG QUAN HOANG

Editorial Board Office

65 Van Mieu Street

Dongda District - Ha Noi

Tel: 080.43174 / 080.44474

Fax: 024.3747.3357

Email: kinhtedubao@mpi.gov.vn

Electronic magazine

<http://kinhtevadubao.vn>

Advertisement & Issue

Tel: 080.48310 / 0983 720 868

Released via VNPost

Publishing license: 115/GP-BTTTT

Printed at Cong Doan Vietnam printing JSC

Price 25.000 VND

Pham Thu Hang, Ngo Thi Hai An: Impact of fiscal decentralization on poverty reduction in Vietnam.....	3
Hoang Thanh Huyen, Tran Thi Thanh Huong: Some assessments of multidimensional poverty in Vietnam over the period 2016-2020	7
Bui Xuan Nam, Nguyen Van Diep, Vo Tuan Thanh: Human intelligence and the size of the shadow economy in ASEAN countries.....	13
Nguyen Thi Van Trang: Research on convolutional neural network in credit ratings to predict credit risk at commercial banks.....	17
Bui Van Trinh, Tang Hien Dat: Determinants of short-term credit efficiency at Agribank Binh Thuy Branch, Can Tho city	21
Do Hoai Linh, Tran Duc Anh, Khuc The Anh, Lai Thi Thanh Loan: Policies on green credit in Vietnamese banking system: A case study of BIDV	25
Nguyen Phuong Thao: Factors affecting Digital marketing at Vietnamese commercial banks ...	29
Nguyen Ngoc Thuy, Nguyen Dinh Chien: Level of information disclosure in the annual reports of Vietnamese commercial banks	33
Pham My Quyen, Nguyen Quang Huy: Proposal of solutions for boosting the application of integrated reporting in Vietnamese listed companies	37
Pham Dinh Tuan: Influence of components of logistics service on online purchase decision	41
Vo Van Hau, Ho My Dung, Cu Van Thanh: Relationship between the quality of public administrative services and the satisfaction and trust of people in Tra Vinh province.....	45
Nguyen Van Hop, Bui Thi Mai Lan, Tran Thi Tuyet: Improve the state management on tourism in Kim Boi district, Hoa Binh province	49
Phan Ngoc Thanh Tham, Huynh Tan Khuong: Research on the influence of social media advertising on purchase intention of consumers in Tra Vinh city	53
Nguyen Xuan Minh, Nguyen Thi Hang: Determinants of Japanese tourists' decision to choose Ho Chi Minh City as a destination	57
Nguyen Thi Huyen: Research on the relationship between customer commitment and business reputation on social media	61
Nguyen Thanh Phuong, Pham Van Truong, Luu Minh Tuan: Boosting community-based tourism in Dak Glong district, Dak Nong province	65
Do Thi Thu Thao: Factors impacting the development of private enterprises: A case study in Ben Tre province.....	69
Tran Van Hao: Factors affecting the level of collaboration in agricultural supply chain in the North Central region	73
Chau Hoai Bao, Tran Mai Thuong: Determinants of Gen Z employees' retention and maintenance under the impact of the Covid-19 pandemic in Ho Chi Minh City	77
Le Dinh Nghi, Nguyen Thanh Trong: Factors affecting Entrepreneurship intention of students in the College of Engineering II.....	81
Nguyen Van Song, Pham Thi Thu Phuong, Nguyen Thi Thu Huong, Nguyen Duc Ban: Solutions to the development of household economy in Kim Son district, Ninh Binh province ...	85
Vu Thanh Long, Phan Thi Tra My: Influence of factors on the accounting in commercial SMEs in Ho Chi Minh City	89
Nguyen Thi Thu Hang, Nguyen Thi Kim Thien: Impact of brand value on consumers' decision to buy Thorakao cosmetics in Ho Chi Minh City	93
Nguyen Thi Thu Ha: Influence of knowledge management on creativity of public universities in Hanoi from the socio-technical perspective.....	97
Tran Tuan Anh: Impact of digitalization on the international labor market.....	101
Nguyen Quoc Dai, Hoang Thi Hao: Factors impacting the management of capital construction investment in Van Yen district, Yen Bai province.....	105
Ho Thi Kim Huyen, Huynh Tan Khuong: Determinants of learning motivation of students in Tra Vinh University during the Covid-19 pandemic.....	109
Pham Thi Huyen, Pham Van Tuan, Nguyen Thi Ha: Factors affecting the attitude and intention to buy recycled accessories of students in Hanoi.....	113
Nguyen Kim Quoc Trung: Influence of components of loan service quality on the satisfaction of SME customers with state-owned commercial banks in Ho Chi Minh City	117
Nguyen Van Ha, Dao Khanh Van: Improving service quality of Vietnam Bank for Social Policies ..	121
Le Thi Thu Diem: Factors impacting Tra Vinh province-based SMEs' decision to maintain legal status after conversion.....	125
Diep Thanh Tung, Duong Minh Nhut: Factors affecting patients' satisfaction with service quality of medical examination and treatment with health insurance at Tam Nong district health center, Dong Thap province.....	129
Nguyen Phuong Le, Nguyen Thi Hai Ninh, Le Anh Tuan: Access to official credit of family farms in Quoc Oai district, Hanoi city	133
Nguyen Thi Thuy: Factors affecting potato farmers' trust in purchasing agents in Lam Dong ..	137
Nguyen Van Ton: State management of food safety in pork production in Vietnam	141
Bui Thi Nhu Huynh, Nguyen Ho Diem Phuc, Pham Do Ngoc My, Nguyen Dang Yen Nhi, Le Tat Nhien, Phan Anh Tu: Impact of the Covid-19 pandemic on the performance of Greek firms..	145
Vu Thanh Nguyen: Determinants of environmental communication	149

Các nhân tố tác động đến mức độ hợp tác trong chuỗi cung ứng ngành nông nghiệp ở khu vực Bắc Trung Bộ

TRẦN VĂN HÀO*

Tóm tắt

Nghiên cứu nhằm tìm hiểu các nhân tố, sự tác động và mối quan hệ của các nhân tố, như: Rủi ro; Niềm tin; Cam kết và Hành vi cơ hội đến mức độ hợp tác trong chuỗi cung ứng ngành nông nghiệp với bối cảnh là khu vực Bắc Trung Bộ. Kết quả nghiên cứu cho thấy, Rủi ro không những có tác động trực tiếp và ngược chiều đến mức độ hợp tác trong chuỗi cung ứng, mà nó còn có tác động gián tiếp thông qua các nhân tố trung gian là: Niềm tin; Cam kết và Hành vi cơ hội của các thành viên tham gia. Trên cơ sở đó, nghiên cứu đưa ra một số kiến nghị nhằm tăng cường mức độ hợp tác trong chuỗi cung ứng ngành nông nghiệp ở khu vực Bắc Trung Bộ.

Từ khoá: rủi ro, niềm tin, sự cam kết, hành vi cơ hội, mức độ hợp tác, chuỗi cung ứng nông nghiệp

Summary

This research aims to clarify the impact and relationship of factors such as Risk, Trust, Commitment and Opportunistic behavior on the level of collaboration in agricultural supply chain in the North Central region. The outcome shows that Risk does not only create a direct and negative impact on the supply chain collaboration, but it also has an indirect impact through intermediary factors including Trust, Commitment and Opportunistic behavior. From the finding, a number of recommendations are proposed to strengthen the level of collaboration in agricultural supply chain in the region.

Keywords: risk, trust, commitment, opportunistic behavior, level of collaboration, agricultural supply chain

GIỚI THIỆU

Nhiều năm qua, ngành nông nghiệp ở khu vực Bắc Trung Bộ luôn khẳng định được vị thế đóng góp cho kinh tế của đất nước. Các chính sách đã chứng minh được sự phù hợp và tạo động lực phát huy những tiềm năng, lợi thế của ngành nông nghiệp. Tuy nhiên, ngành nông nghiệp ở khu vực Bắc Trung Bộ được đánh giá là nhiều tiềm năng, nhưng phát triển còn chưa tương xứng. Điều này được thể hiện trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, giá trị xuất khẩu thấp, quy mô sản xuất nhỏ lẻ, chất lượng sản phẩm còn nhiều hạn chế, ít sản phẩm nông nghiệp chủ lực..., một phần nguyên nhân quan trọng là do các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất nông nghiệp chưa tham

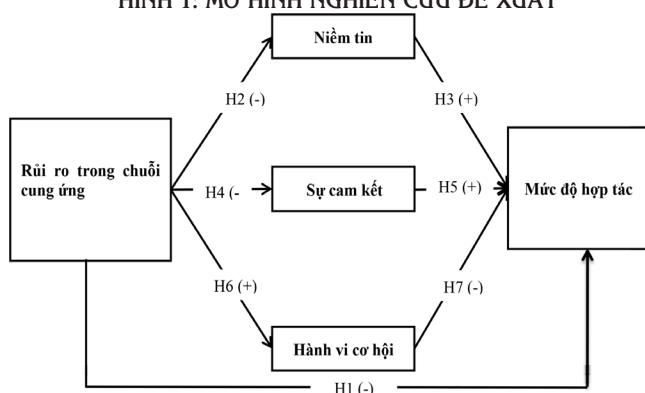
gia sâu vào chuỗi cung ứng, chưa có sự hợp tác chặt chẽ trong chuỗi cung ứng. Sự liên kết và hợp tác giữa các chủ thể trong chuỗi cung ứng còn lỏng lẻo, rất ít các doanh nghiệp có khả năng thu hút, lôi kéo và dẫn dắt hay tạo dựng được các chuỗi sản xuất - cung ứng khép kín từ nguyên liệu đầu vào, thu mua nguyên liệu, vận chuyển, bảo quản, tiếp thị đến hoạt động tiêu thụ. Vì vậy, chưa phát huy được lợi thế, tận dụng các cơ hội để khai thác các thế mạnh phát triển nông nghiệp của từng địa phương.

Xuất phát từ những nguyên nhân trên, tác giả thực hiện nghiên cứu “Các nhân tố tác động đến mức độ hợp tác trong chuỗi cung ứng ngành nông nghiệp ở khu vực Bắc Trung Bộ”. Nghiên cứu giúp các nhà quản lý, hoạch định chính sách có được cái nhìn toàn diện hơn về hợp tác trong chuỗi cung ứng ngành nông nghiệp, từ đó góp phần đưa ra các quyết sách hữu hiệu, mang lại những giá trị cao hơn đối với các sản phẩm ngành nông nghiệp ở khu vực Bắc Trung Bộ, cũng như cả nước.

* Trường Đại học Vinh

Ngày nhận bài: 28/9/2021; Ngày phân biện: 15/10/2021; Ngày duyệt đăng: 22/10/2021

HÌNH 1: MÔ HÌNH NGHIÊN CỨU ĐỀ XUẤT



Nguồn: Tác giả đề xuất

CƠ SỞ LÝ THUYẾT VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Cơ sở lý thuyết

Hợp tác chuỗi cung ứng được xem là một quá trình kinh doanh, theo đó hai hoặc nhiều đối tác trong chuỗi cung ứng cùng làm việc và hướng tới các mục tiêu chung (Sheu và cộng sự, 2006). Rủi ro trong chuỗi cung ứng là những rủi ro liên quan đến thông tin, dòng vận chuyển nguyên vật liệu và sản phẩm từ nhà cung cấp đến người tiêu dùng cuối cùng và khả năng ảnh hưởng đến việc bắt tương xứng giữa cung và cầu thị trường. Có nhiều cách phân loại nguồn gốc của rủi ro, Cavinato (2004) chia rủi ro trong chuỗi cung ứng thành 5 nguồn, gồm: Rủi ro trong dòng chảy vật chất; Tiền tệ; Thông tin; Hợp tác quan hệ và cơ hội sáng tạo đối với các thành viên trong chuỗi cung ứng.

Theo Sheu và cộng sự (2006), niềm tin đóng vai trò chính trong mối quan hệ hợp tác giữa các tổ chức. Niềm tin được coi là một cơ chế quản trị để giảm xung đột, chủ nghĩa cơ hội và thúc đẩy hợp tác, hơn nữa còn cho phép các công ty đạt được lợi thế hợp tác và hiệu suất hoạt động của công ty tốt hơn.

Nghiên cứu của Morgan và Hunt (1994) cho rằng, cam kết là sự nỗ lực tối đa, nhằm duy trì mối quan hệ giữa các đối tác và cam kết là trung tâm của tất cả các trao đổi quan hệ giữa công ty và các đối tác khác nhau của nó.

Hành vi của mỗi cá nhân hay một tổ chức nào cũng đều bao gồm 2 dạng: hành vi tích cực và hành vi tiêu cực. Hành vi cơ hội được coi là dạng hành vi tiêu cực, chi phối và quyết định bởi sự nhận thức, thái độ, năng lực của cá nhân và tổ chức, dẫn đến phá vỡ các cam kết, vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm đòi hỏi phải thực hiện của các bên tham gia trong các mối quan hệ (Morgan và Hunt, 1994). Hành vi cơ hội liên quan đến các chủ nghĩa cá nhân, dựa trên hành vi chuộc lợi cho cá nhân hay tổ chức của mình, gây thiệt hại cho đối tác và các nhân tố xung quanh, từ đó có thể kìm hãm sự phát triển chung của thị trường.

Dựa vào cơ sở lý thuyết nêu trên, tác giả xây dựng mô hình nghiên cứu như Hình 1.

Giả thuyết nghiên cứu được đưa ra như sau:

H1: Rủi ro tác động ngược chiều đến mức độ hợp tác trong chuỗi cung ứng ngành nông nghiệp ở khu vực Bắc Trung Bộ.

H2: Rủi ro tác động ngược chiều đến niềm tin của các thành viên tham gia trong chuỗi cung ứng ngành nông nghiệp ở khu vực Bắc Trung Bộ.

H3: Niềm tin của các thành viên tham gia tác động thuận chiều đến mức độ hợp tác trong chuỗi cung ứng ngành nông nghiệp ở khu vực Bắc Trung Bộ.

H4: Rủi ro tác động ngược chiều đến sự cam kết của các thành viên tham gia trong chuỗi cung ứng ngành nông nghiệp ở khu vực Bắc Trung Bộ.

H5: Sự cam kết của các thành viên tham gia tác động thuận chiều đến mức độ hợp tác trong chuỗi cung ứng nông nghiệp ở khu vực Bắc Trung Bộ.

H6: Rủi ro tác động thuận chiều đến hành vi cơ hội của các thành viên tham gia trong chuỗi cung ứng ngành nông nghiệp ở khu vực Bắc Trung Bộ.

H7: Hành vi cơ hội của các thành viên tham gia tác động ngược chiều đến mức độ hợp tác trong chuỗi cung ứng ngành nông nghiệp ở khu vực Bắc Trung Bộ.

Phương pháp nghiên cứu

Dữ liệu được thu thập thông qua lấy mẫu phân tầng một cách tương đối nhằm tăng tính đại diện cho mẫu nghiên cứu, bao gồm các tỉnh: Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế. Đối tượng là những cán bộ quản lý có kinh nghiệm và kiến thức về công tác quản trị hoạt động chuỗi cung ứng trong lĩnh vực nông nghiệp. Quá trình thu thập dữ liệu được tiến hành theo 2 cách: phát phiếu trực tiếp và online. Số phiếu online thu về là 327, số phiếu dùng được là 293. Về trực tiếp, số phiếu phát ra là 400, số phiếu thu về là 296, số phiếu dùng được là 225. Tổng số phiếu hợp lệ được dùng để phân tích là 518. Thời gian thu thập dữ liệu từ tháng 5/2021 đến tháng 8/2021. Kết quả sau điều tra được xử lý thông qua chương trình SPSS và AMOS (*Bài viết sử dụng cách viết số thập phân theo chuẩn quốc tế*).

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Kiểm định độ tin cậy của thang đo

Kết quả phân tích kiểm định Cronbach's Alpha (Bảng 1) cho thấy, độ tin cậy của thang đo dùng trong phân tích khi hệ số Cronbach's Alpha của tất

cả các biến đều > 0.7. Tuy nhiên, chỉ báo RE6 có hệ số Cronbach's Alpha nếu loại biến là 0.921 lớn hơn so với hệ số Cronbach's Alpha của biến RE (0.907), chỉ báo IS1 có hệ số Cronbach's Alpha nếu loại biến là 0.845 lớn hơn so với hệ số Cronbach's Alpha của biến IS (0.823), chỉ báo IA6 có hệ số Cronbach's Alpha nếu loại biến là 0.874 lớn hơn so với hệ số Cronbach's Alpha của biến IA (0.803). Vì vậy, để tăng tính phù hợp của thang đo, nghiên cứu tiến hành loại bỏ các chỉ báo RE6, IS1, IA6.

Phân tích nhân tố khám phá (EFA)

Quá trình phân tích EFA được tiến hành 2 lần, trong đó hệ số tải nhân tố trong các lần phân tích đều có giá trị > 0.5, thể hiện mối tương quan phù hợp giữa các biến quan sát và các nhân tố lựa chọn trong mô hình. Tuy nhiên, ở lần phân tích thứ nhất, do không đảm bảo "giá trị hội tụ" về cùng một nhân tố, nên biến COM2, IS2 và IS3 bị loại. Kết quả phân tích lần thứ hai cho thấy, dữ liệu còn lại đủ điều kiện phân tích do có trị số Eigenvalue của các nhân tố ≥ 1 ; hệ số KMO ≥ 0.5 và ≤ 1 ; giá trị Sig. < 0.05, đồng thời phần trăm phương sai trích > 50% và thỏa mãn 2 điều kiện là giá trị hội tụ và giá trị phân biệt (Bảng 2).

Phân tích mô hình cấu trúc tuyến tính (SEM)

Kết quả phân tích mô hình SEM (Hình 2) cho thấy, các chỉ số tổng hợp đều đạt yêu cầu. Cụ thể, Chi-square = 2273.912; df = 652; Chi-square/df = 3.488 (< 5); P= 0.000; GFI = 0.829 (> 0.8); TLI = 0.864 (> 0.8); CFI = 0.874 (> 0.8); RMSEA = 0.069 (< 0.08).

Kết quả ước lượng các mối quan hệ trong mô hình (Bảng 3) cho thấy, mô hình nghiên cứu có tính phù hợp, các giả thuyết H1, H2, H4, H6, H7 được chấp nhận, trong khi H3, H5, H8 và H9 bị bác bỏ theo các kết quả kiểm định. Cụ thể:

- Giả thuyết H1 với mức ý nghĩa P < 0.05 và trọng số hồi quy là -0.826 (< 0) được chấp nhận. Tức là, Rủi ro tác động ngược chiều đến mức độ hợp tác trong chuỗi cung ứng ngành nông nghiệp ở khu vực Bắc Trung Bộ.

- Giả thuyết H2 cũng được chấp nhận với mức ý nghĩa P < 0.05 và trọng số hồi quy là -1.133 (< 0). Vì vậy, có thể kết luận Rủi ro tác động ngược chiều đến Niềm tin giữa các thành viên tham gia trong chuỗi cung ứng ngành nông nghiệp ở khu vực Bắc Trung Bộ.

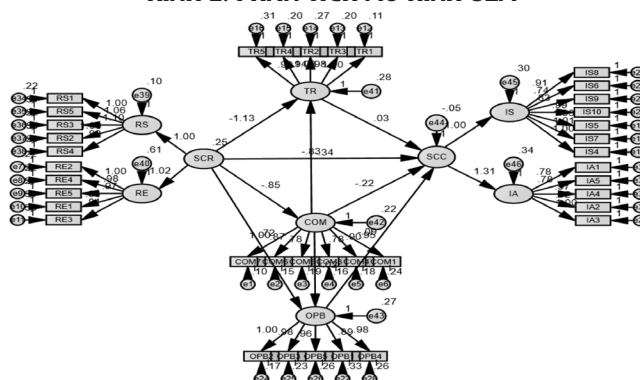
BẢNG 1: ĐÁNH GIÁ ĐỘ TIN CẬY CỦA THANG ĐO

TT	Biến	Ký hiệu	Hệ số Cronbach's Alpha
1	Rủi ro từ nguồn cung	RS	0.870
2	Rủi ro từ môi trường	RE	0.907
3	Niềm tin	TR	0.911
4	Sự cam kết	COM	0.917
5	Hành vi cơ hội	OPB	0.883
6	Chia sẻ thông tin	IS	0.823
7	Liên kết khuyến khích	IA	0.803

BẢNG 2: KẾT QUẢ PHÂN TÍCH EFA

Phân tích EFA	Hệ số KMO	P-value	Phương sai trích	Hệ số tải nhân tố	Kết luận
Lần 1	0.887	0.000	71.271	Tất cả đều > 0.5	Loại bỏ chỉ báo COM2, IS2, IS3
Lần 2	0.900	0.000	71.700	Tất cả đều > 0.5	Đảm bảo yêu cầu phân tích

HÌNH 2: PHÂN TÍCH MÔ HÌNH SEM



Nguồn: Tính toán của tác giả

- Với giả thuyết H3, do có mức ý nghĩa trong kiểm định là 0.641 (> 0), nên bị bác bỏ. Vì vậy, có thể kết luận, Niềm tin giữa các thành viên tham gia không có tác động đến mức độ hợp tác trong chuỗi cung ứng ngành nông nghiệp ở khu vực Bắc Trung Bộ.

- Giả thuyết H4 được chấp nhận với mức ý nghĩa P < 0.05 và trọng số hồi quy là -0.849 (< 0). Như vậy, Rủi ro tác động ngược chiều đến mức độ cam kết giữa các thành viên tham gia trong chuỗi cung ứng chuỗi cung ứng ngành nông nghiệp ở khu vực Bắc Trung Bộ.

- Với giả thuyết H5, mức ý nghĩa trong kiểm định là 0.003 < 0.05 và trọng số hồi quy là -0.222 (< 0). Kết quả này đi ngược lại với nhận định ban đầu, tức là mức độ cam kết giữa các thành viên tham gia lại có tác động ngược chiều đến mức độ hợp tác trong chuỗi cung ứng ngành nông nghiệp ở khu vực Bắc Trung Bộ.

- Giả thuyết H6 được chấp nhận với mức ý nghĩa P < 0.05 và trọng số hồi quy là 0.719 (> 0). Vì vậy, có thể kết luận Rủi ro tác động thuận chiều đến Hành vi cơ hội của các thành viên tham gia trong chuỗi cung ứng ngành nông nghiệp ở khu vực Bắc Trung Bộ.

- Giả thuyết H7, do có mức ý nghĩa trong kiểm định là 0.030 (< 0.05) và trọng số hồi quy âm (-0.094), nên giả thuyết được chấp nhận, tương ứng với kết luận Hành vi cơ hội của các thành viên tham gia có tác động

BẢNG 3: KẾT QUẢ PHÂN TÍCH SEM CHO CÁC MỐI QUAN HỆ TRONG MÔ HÌNH

Giả thuyết	Mối quan hệ	Trọng số	S.E.	C.R.	P	Kết luận
H1	SCC <--- SCR	-0.826	0.182	-4.540	0.000	Chấp nhận
H2	TR <--- SCR	-1.133	0.149	-7.601	0.000	Chấp nhận
H3	SCC <--- TR	0.026	0.057	0.466	0.641	Bác bỏ
H4	COM <--- SCR	-0.849	0.083	-10.183	0.000	Chấp nhận
H5	SCC <--- COM	-0.222	0.076	-2.922	0.003	Bác bỏ
H6	OPB <--- SCR	0.719	0.109	6.564	0.000	Chấp nhận
H7	SCC <--- OPB	-0.094	0.043	-2.174	0.030	Chấp nhận

Nguồn: Tính toán của tác giả

ngược chiều đến mức độ hợp tác trong chuỗi cung ứng ngành nông nghiệp ở khu vực Bắc Trung Bộ.

KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

Kết luận

Kết quả nghiên cứu cho thấy, Rủi ro không những có tác động trực tiếp và ngược chiều đến mức độ hợp tác trong chuỗi cung ứng ngành nông nghiệp ở khu vực Bắc Trung Bộ, mà nó còn có tác động gián tiếp thông qua các nhân tố trung gian là Niềm tin, Sự cam kết và Hành vi cơ hội của các thành viên tham gia.

Một số khuyến nghị

Dựa trên các kết quả nghiên cứu, tác giả đề xuất một số kiến nghị nhằm tăng cường mức độ hợp tác trong chuỗi cung ứng ngành nông nghiệp ở khu vực Bắc Trung Bộ:

Thứ nhất, với Rủi ro trong chuỗi cung ứng: Cần xây dựng các chiến lược kinh doanh nhằm tăng cường hợp tác chuỗi cung ứng trong lĩnh vực nông nghiệp, giảm thiểu các rủi ro từ môi trường. Tập trung khai thác các sản phẩm nông nghiệp có thế mạnh của từng địa phương, ổn định và từng bước mở rộng thị trường, đồng thời đa dạng hóa các sản phẩm xuất khẩu. Các doanh nghiệp cần duy trì ổn định và đa dạng hóa thị trường trong và ngoài nước thông qua nhiều biện pháp, như: đầu tư vào công tác xúc tiến thương mại thông qua nhiều hình thức, như: nghiên cứu thị trường, quảng bá thông tin qua catalogue, website....

Thứ hai, với Niềm tin giữa các thành viên tham gia trong chuỗi cung ứng: Cần tạo dựng niềm tin cho các thành viên tham gia vào chuỗi cung ứng. Đổi mới tư duy của các chủ thể sản xuất nông nghiệp, nhất là người nông dân trong việc nhận thức tầm quan trọng của việc hợp tác và tham gia vào chuỗi cung ứng thông qua việc khuyến khích các doanh nghiệp tham gia vào các hoạt động đào tạo, tổ chức các chương trình gắn kết cộng đồng...

Thứ ba, với mức độ cam kết giữa các thành viên tham gia trong chuỗi cung ứng: Cần đổi mới tổ chức sản xuất trong các vùng sản xuất nguyên liệu chế biến theo chuỗi sản phẩm và chuỗi giá trị, trên cơ sở phát triển liên kết, liên doanh với vai trò doanh nghiệp chế biến làm nòng cốt theo hướng hình thành và phát triển các chuỗi giá trị gia tăng cao và bền vững. Thống nhất những cơ chế phù hợp trong xây dựng các liên kết nhằm đảm bảo hài hòa lợi ích giữa các bên tham gia. Không nên quá quan trọng chi phí thấp, mà ảnh hưởng đến dịch vụ, sản phẩm hoặc quá quan trọng đến khách hàng, mà đưa ra những yêu cầu quá khắt khe đối với các nhà cung cấp chính. Đồng thời, có sự kết hợp giữa chi phí hợp lý giữa các khâu trong chuỗi cung ứng và sự thỏa mãn của khách hàng.

Thứ tư, với Hành vi cơ hội của các thành viên tham gia trong chuỗi cung ứng: Cần có những chính sách quản lý chặt chẽ, tăng cường các hoạt động kiểm tra, giám sát và xây dựng các bộ quy chế đầy đủ trong hợp tác chuỗi cung ứng nhằm hạn chế các hành vi mang tính cá nhân, chuộc lợi cho tổ chức mà không quan tâm đến lợi ích cộng đồng. □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Cavinato, J. L. (2004). Supply chain logistics risks: From the back room to the board room, *International Journal of Physical distribution & Logistics Management*, 34(5), 383-387
2. Frohlich, M. T., and Westbrook, R. (2001). Arcs of integration: An international study of supply chain strategies, *Journal of Operations Management*, 19(2), 185-200
3. Morgan, R. M., and Hunt, S. D. (1994). The commitment-trust theory of relationship marketing, *Journal of Marketing*, 53(3), 20-38
4. Samaddar, S., and Kadiyala, S. S. (2006). An analysis of interorganisational resource sharing decisions in collaborative knowledge creation, *European Journal of Operational Research*, 170, 192-210
5. Sheu, C., Yen, H. R., and Chae, D. (2006). Determinants of supplier-retailer collaboration: evidence from an international study, *International Journal of Operations and Production Management*, 26(1), 24-49
6. Trkman, P., and McCormack, K. (2009). Supply Chain Risk in Turbulent Environments-A Conceptual Model for Managing Supply Chain Network Risk, *International Journal of Production Economics*, 119(2), 247-258